

ODA CỦA VƯƠNG QUỐC ANH VÀO VIỆT NAM

PGS.TS Bùi Anh Tuấn

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đoàn Hiếu

NCS Đại học Kinh tế Quốc dân

Cùng với sự phát triển quan hệ song phương giữa hai nước, trong những năm gần đây, Vương Quốc Anh (UK) đã có nhiều chương trình viện trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam, với số vốn trung bình mỗi năm khoảng 50 triệu bảng Anh. Lượng ODA này đã đóng góp một phần không nhỏ vào thực hiện các mục tiêu quốc gia trong các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, y tế, giáo dục của Việt Nam. Tuy đã đạt được những kết quả nhất định nhưng lượng vốn ODA của Anh vào Việt Nam còn chưa tương xứng với tiềm năng và quan hệ của hai quốc gia.

Được sự hỗ trợ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Bộ Phát triển Quốc tế (Department for International Development-DFID) của Anh, trong thời gian vừa qua, nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu về ODA của Anh vào Việt Nam. Nghiên cứu này có mục đích: (i) làm rõ đặc điểm của ODA của Vương Quốc Anh; (ii) nghiên cứu đánh giá nguồn vốn ODA của Anh vào Việt Nam trong giai đoạn 1992-2009, (iii) đưa ra những khuyến nghị đối với Chính phủ Việt Nam và các cơ quan quản lý trong việc thu hút và sử dụng hiệu quả ODA của Anh vào Việt Nam trong giai đoạn 2010-2015.

Bài viết này trình bày một số kết quả đạt được trong quá trình nghiên cứu của nhóm tác giả.

1. Một số nét về ODA của Vương Quốc Anh

• Lượng vốn ODA của Vương Quốc Anh

Anh Quốc là một trong những quốc gia cung cấp ODA nhiều nhất thế giới và khối lượng tài trợ tăng liên tục qua các năm. Năm 2000, ODA của Vương Quốc Anh vào khoảng 2974 triệu Bảng Anh, chiếm 0,32% GNI nước này. Đến năm 2005 ODA của Anh là 5926 triệu Bảng, chiếm 0,47% GNI. Năm 2008 lượng vốn ODA mà quốc gia này cung cấp đã tăng lên đến 6356 triệu Bảng, chiếm 0,43% GNI và đứng thứ 3 thế giới về lượng ODA tài trợ sau Hoa Kỳ và CHLB Đức. Với vai trò là một khoản chi tiêu công lớn, Chính phủ Anh luôn có những định hướng phát triển riêng trong việc cung cấp lượng vốn ODA này.

• Quản lý ODA của Chính phủ Anh

Trước năm 1997 các chương trình hợp tác phát triển của Anh được quản lý bởi Cơ quan Phát triển Hải ngoại Anh

(ODA). Tháng 7 năm 1997, Bộ Phát triển Quốc tế (Department for International Development-DFID) của Vương Quốc Anh được thành lập thay thế cho Cơ quan Phát triển Hải ngoại Anh trước đây. Sau khi thành lập, DFID đã liên tục mở rộng hoạt động. Cho đến nay, văn phòng đại diện của DFID đã có mặt tại khắp các quốc gia trên thế giới. Thông qua DFID, Chính phủ Anh tìm hiểu thông tin về các đối tác hợp tác phát triển, sau đó đưa ra một chính sách hợp tác quốc tế giai đoạn 3 năm, trong đó cụ thể hóa số lượng ODA tài trợ trong 3 năm tiếp theo, cơ cấu phân bổ ODA tới các quốc gia, danh mục các quốc gia được nhận ODA, các hình thức viện trợ đối với quốc gia đó...

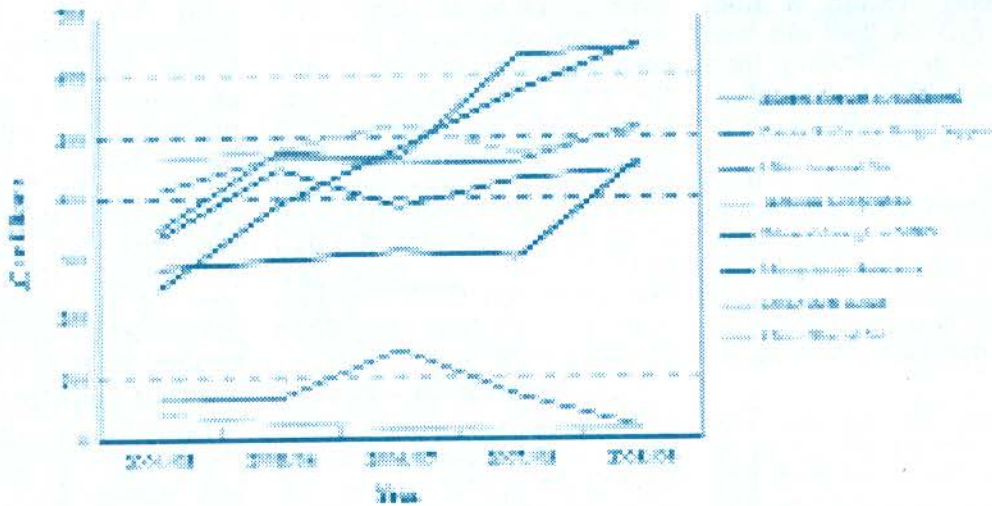
Dựa trên quan điểm đơn giản hóa thủ tục, giảm thiểu sự phức tạp trong bộ máy quản lý và đưa trực tiếp nguồn vốn đến tay người dân, Chính phủ Anh cung cấp ODA dưới nhiều hình thức, bao gồm viện trợ song phương, viện trợ thông qua một tổ chức đa phương, viện

trợ thông qua một tổ chức phi chính phủ, hỗ trợ ngân sách giảm nghèo, hỗ trợ nhân đạo, hợp tác kỹ thuật,... Hiện nay, hình thức đang được chính phủ Anh ưu tiên phát triển là hỗ trợ trực tiếp vào ngân sách giảm nghèo và viện trợ thông qua một tổ chức đa phương hoặc tổ chức phi chính phủ.

• ODA của Vương Quốc Anh tập trung cho mục tiêu giảm nghèo

Các quốc gia được nhận ODA của Anh tập trung chủ yếu vào hai khu vực là Châu Phi và Châu Á, phần đông trong số đó là các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển, đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh. Chính phủ Anh có xu hướng quan tâm tới những quốc gia có nhiều người nghèo nhất trên thế giới. Dẫn đầu trong nhóm các quốc gia được nhận ODA của Anh là Ấn Độ với lượng cam kết viện trợ năm 2008/09 là 700 triệu USD. Tiếp theo là Iraq với 350 triệu USD cam kết trong năm 2008/09. Trung Quốc cũng nằm trong 10 quốc gia nhận được nhiều

Hình 1: Cơ cấu ODA của Anh quốc theo hình thức cung cấp giai đoạn 2004/05 - 2008/09



(Nguồn: theo báo cáo tổng hợp của DFID)

viện trợ nhất từ Anh với 201 triệu USD cam kết năm 2008/09.

Trong tổng nguồn vốn ODA của mình, Chính phủ Anh đã dành khoảng 25% cho việc hỗ trợ nâng cao năng lực chính phủ, 21% cho y tế, 16% trợ giúp cho các hoạt động tăng trưởng kinh tế, 14% cho giáo dục. Các hoạt động tài trợ này đều lấy việc giảm nghèo đói làm trung tâm¹.

Theo thống kê của DFID (hình 1) khối lượng ODA viện trợ dưới hình thức hỗ trợ trực tiếp vào ngân sách giảm nghèo và hình thức tài trợ kết hợp trong các chương trình của bên thứ 3 trong khoảng 2, 3 năm gần đây đã tăng vọt.

Với việc ưu tiên hai hình thức tài trợ này nguồn vốn ODA của Anh được đánh giá là có hiệu quả cao do thủ tục tiếp nhận đơn giản, tỷ lệ giải ngân cao và có tác dụng trực tiếp với nước tiếp nhận.

2. Tổng quan về ODA của Anh cho Việt Nam

Năm 1992 Chính phủ Anh bắt đầu nối lại quan hệ hợp tác và cung cấp ODA cho Việt Nam, kể từ đó tới nay dòng vốn này liên tục tăng trưởng và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển².

• Giai đoạn 1992 – 1998

Giai đoạn này, hình thức cung cấp ODA của Anh là viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ

thuật. Trong 6 năm, Chính phủ Anh đã viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam khoảng 24 triệu Euro cho 20 dự án hỗ trợ kỹ thuật trong nhiều lĩnh vực như giao thông vận tải, năng lượng, dân khí, xây dựng, giáo dục... Cho đến nay, các dự án này đã thực hiện xong và có nhiều đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam.

• Giai đoạn 1999– 2003

Tháng 10 năm 1998, Chính phủ Anh đã thông qua Chiến lược hợp tác phát triển với Việt Nam giai đoạn 1999– 2003. Mục tiêu của giai đoạn này của DFID là thúc đẩy và hỗ trợ chính sách của Chính phủ Việt Nam nhằm vừa đẩy nhanh cải

Bảng 1: ODA của Anh vào Việt Nam giai đoạn 2001 - 2009

Năm tài khóa	Lượng ODA (triệu bảng Anh)
2001/02	15.8
2002/03	18.5
2003/04	23.2
2004/05	40.4
2005/06	55.0
2006/07	--
2007/08	--
2008/09	55.1

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của DFID Việt Nam

cách kinh tế, vừa bảo đảm cung cấp một cách hiệu quả và thúc đẩy các dịch vụ đầu tư công cộng. Tháng 8 năm 1999, DFID đã thiết lập Văn phòng Hỗ trợ Chương trình Việt Nam (POS) tại Hà Nội, nay gọi là Văn phòng DFID Việt Nam. Mục tiêu dài hạn của DFID ở Việt Nam là thúc đẩy sự tăng trưởng cho người nghèo, trong đó giảm mức sống nghèo khổ của Việt Nam vào năm 2015 ở mức bằng với MDG (Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ mà Liên Hiệp Quốc đưa ra).

Mục tiêu cụ thể của các chương trình và dự án trong giai đoạn này là: (i) Phối hợp một cách có hiệu quả hơn giữa Chính phủ và các nhà tài trợ trong việc xóa đói giảm nghèo; (ii) Giúp Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ hiểu hơn nữa các nguyên nhân đặc trưng và hậu quả của vấn đề nghèo đói; (iii) Cải thiện năng lực thực hiện cải cách của Chính phủ Việt Nam; (iv) Cải thiện các cơ hội thu nhập và phát triển nhân lực cho người nghèo ở khu vực nông thôn.

Về hình thức hỗ trợ, bắt đầu từ năm 1998, DFID chuyển từ tiếp cận theo dự án sang tiếp cận theo chương trình ngành hoặc lĩnh vực trong khuôn khổ phát triển toàn diện (CDF). Do vậy, DFID không xây dựng các dự án hợp tác song phương

theo cách làm truyền thống, mà sử dụng các hình thức đồng tài trợ hoặc ủy thác để tham gia tài trợ cho Chính phủ Việt Nam và khuyến khích sự phối hợp trong các nỗ lực tập thể giữa các nhà tài trợ với Chính phủ Việt Nam. Trong giai đoạn này DFID chủ trương tăng viện trợ không hoàn lại cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Kết quả thực tế cho thấy trong giai đoạn này vốn ODA của Anh dành cho Việt Nam tăng đáng kể qua các năm.

• Giai đoạn 2004 – 2006

Tháng 1 năm 2004, Chính phủ Anh đã công bố Chương trình Quốc gia hỗ trợ cho Việt Nam giai đoạn 2004– 2006. Trong giai đoạn này Chính phủ Anh căn cứ vào hiệu quả viện trợ trong giai đoạn trước và tình hình thực tế ở Việt Nam đưa ra 3 mục tiêu tổng quát như sau: (i) Nâng cao hiệu quả, tác dụng và tính công bằng trong việc sử dụng nguồn lực tài chính công; (ii) Tăng cường các nỗ lực của Chính phủ để đạt được các mục tiêu phát triển có sự tham gia rộng rãi của toàn xã hội và tăng trách nhiệm giải thích của nhà nước trước người dân; (iii) Hỗ trợ những đổi mới về kinh tế và xã hội.

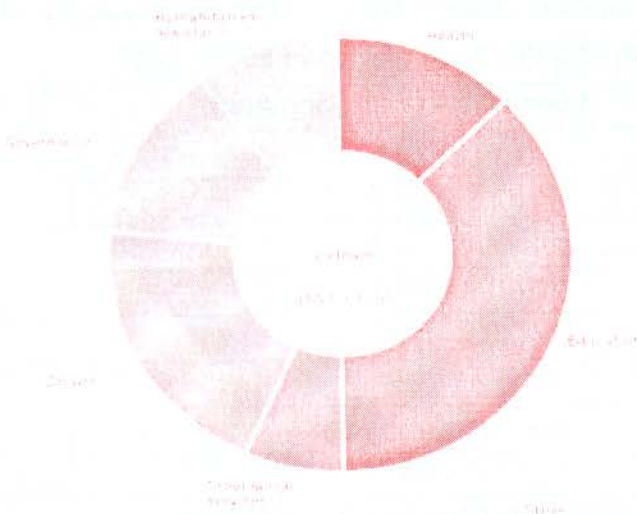
Lượng vốn viện trợ của Anh tiếp tục tăng. Năm 2003/2004 đã tăng lên khoảng 26 triệu

Bảng Anh. Năm 2004, DFID cam kết viện trợ 35 triệu Bảng Anh. Tài khóa 2005/2006 đã tăng tới 44 triệu Bảng Anh/năm. Ngày 22/2/2005, Chính phủ Anh đã chấp nhận về sáng kiến giảm nợ đa phương của Chính phủ Việt Nam. Theo đó, Chính phủ Anh sẽ trả nợ cho Việt Nam 10% nợ đến hạn của các khoản vay Hiệp hội Phát triển quốc tế (IDA) thuộc Ngân hàng Thế giới (WB) trong thời gian 2005– 2015 với tổng giá trị khoảng 90 triệu USD.

• Giai đoạn 2007– 2010

Ngày 19 tháng 9 năm 2006, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Vương Quốc Anh đã ký Thỏa thuận khung về Quan hệ đối tác phát triển giữa hai nước giai đoạn 2006– 2015. Với thỏa thuận này, Chính phủ Anh sẽ viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam khoảng 250 triệu bảng Anh trong giai đoạn 2006– 2010, trong đó dành khoảng 70% ngân sách để hỗ trợ cho các chương trình liên quan đến xóa đói giảm nghèo của Việt Nam. Ngày 22/11/2007, DFID đã thông báo việc Chính phủ Anh viện trợ không hoàn lại 100 triệu bảng Anh giai đoạn 2007– 2011 cho Chương trình PRSC (Chương trình tín dụng hỗ trợ giảm nghèo) với phương thức chuyển tiền trực tiếp cho chính phủ Việt Nam không thông

Hình 2: Cơ cấu ODA của Anh vào Việt Nam theo nội dung tài trợ 2008/09



Nguồn: báo cáo của DFID Vietnam

qua Ngân hàng Thế giới (World Bank) để tiết kiệm chi phí quản lý. Trong đó, hai bên đã thỏa thuận chuyển trước 20 triệu Bảng Anh trong năm tài khóa 2008/09.

3. Kết quả nghiên cứu đánh giá ODA của Anh cho Việt Nam

Qua nghiên cứu về ODA của Anh vào Việt Nam trong giai đoạn 1992-2010, nhóm tác giả rút ra một số kết luận sau:

Một là, ODA của Anh tập trung vào lĩnh vực y tế, giáo dục, nhân đạo... và luôn bám sát mục tiêu hỗ trợ xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam.

Ở Việt Nam, các lĩnh vực mà ODA của Anh đầu tư vào bao gồm giáo dục, y tế, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ nhân đạo, các dịch vụ xã hội. Trong đó, giáo dục là lĩnh vực chiếm lượng vốn đầu tư nhiều nhất với 37% lượng vốn đầu tư vào Việt Nam. Tiếp theo là lĩnh vực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế chiếm 20% tổng lượng vốn viện trợ. Y tế chiếm 13% lượng tài trợ (Hình 2).

Hai là, ODA của Anh vào Việt Nam là viện trợ không hoàn lại và qua hai kênh chủ yếu là viện trợ trực tiếp vào ngân sách giảm nghèo của Nhà nước và đóng tài trợ trong các chương trình đa phương.

Khi cung cấp ODA cho Việt Nam căn cứ vào chính sách phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, Chính phủ Anh đưa ra một mức cam kết tài trợ cho Việt Nam theo giai đoạn 3 năm, lượng vốn này sẽ được chuyển cho chính phủ Việt Nam hàng năm và được Chính phủ Việt Nam toàn quyền sử dụng. Chính phủ Anh thông qua DFID chỉ theo dõi để đảm bảo lượng vốn tài trợ này được sử dụng đúng mục đích và ưu tiên cho các hoạt động xóa đói giảm nghèo. Ví vậy ODA của Anh vào Việt Nam luôn được giải ngân 100%. Phương thức tài trợ của Cơ quan Phát triển Hải ngoại Anh (ODA) trước đây và DFID hiện nay có tính linh hoạt. Điều này thể hiện ở sự điều chỉnh chính sách cung cấp ODA từ việc hỗ trợ kỹ

thuật và tín dụng ưu đãi sang chỉ thuần túy viện trợ không hoàn lại theo các chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ Việt Nam, điều chỉnh hình thức cung cấp tài chính từ song phương sang đồng tài trợ với các tổ chức đa phương hoặc hỗ trợ ngân sách.

Ba là, ODA đã mang lại hiệu quả tích cực tới công tác xóa đói giảm nghèo tại nhiều địa phương ở Việt Nam.

Nguồn ODA của Anh vào Việt Nam được sử dụng chủ yếu vào các dự án nằm trong nội dung xóa đói giảm nghèo và phát triển nông thôn. Đến nay, đã có 15 dự án trong nội dung này được thực hiện xong, đóng góp trực tiếp hơn 300 triệu Bảng Anh vào công cuộc nâng cao mức sống của người nghèo ở Việt Nam.

Các dự án hiện nay đã thực hiện gồm có:

- Cấp nước và vệ sinh nông thôn- viện trợ không hoàn lại 2,8 triệu Bảng Anh thông qua UNICEF để hỗ trợ chương trình cấp nước nông thôn cho 14 tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên trong 2 năm 1999-2001.

- Xóa đói giảm nghèo Hà Tĩnh: viện trợ 5,75 triệu Bảng Anh trong giai đoạn 1997-2002. Dự án do 3 tổ chức phi chính phủ của Anh: ACTION-AID, Quỹ cứu trợ nhi đồng Anh và OXFAM Anh thực hiện.

- Giao thông nông thôn II- 18,625 triệu Bảng Anh ủy thác qua Ngân hàng Thế giới (WB), giai đoạn 2000-2005 hỗ trợ khôi phục và cải tạo đường nông thôn 4 tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam.

- Đồng tài trợ tín dụng hỗ trợ giảm nghèo của WB (PRSC): Thỏa thuận cung cấp 14 triệu Bảng Anh cho PRSC I và hỗ trợ PRSC II 17.227.400 USD.

- Hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án Giao thông nông thôn III (do WB tài trợ) 415.000 bảng Anh.

- Chương trình giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc (2002- 2007): DFID đồng tài

trợ 7,5 triệu Bảng Anh với WB để hỗ trợ đầu tư và cải thiện phân phối các dịch vụ tại các xã nghèo nhất tại 6 tỉnh miền núi phía Bắc (Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Sơn La, Hòa Bình, Bắc Giang).

- Dự án cải thiện mức sống khu vực miền Trung (2002-2007): DFID cung cấp 15 triệu USD đồng tài trợ với ngân hàng phát triển châu Á (ADB) cho các dự án xây dựng năng lực đầu tư tại các xã nghèo nhất tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và KonTum.

Các dự án đang thực hiện:

- HIV/AIDS: DFID tài trợ thông qua Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) 17,3 triệu bảng Anh trong 5 năm cho chương trình phòng chống HIV/AIDS.

- Giáo dục tiểu học cho trẻ em bị thiệt thòi: DFID đồng tài trợ 38,8 triệu USD trong 5 năm, mục tiêu của dự án nhằm cải thiện các dịch vụ giáo dục cho trẻ em bị thiệt thòi.

- Chương trình 135 giai đoạn 2: 16 triệu Bảng Anh.

- Chương trình giao thông nông thôn 3: 26,2 triệu Bảng Anh.

- PRSC6: 20 triệu Bảng Anh.

- PRSC7 (2008-2011): 80 triệu Bảng Anh.

- Nâng cao hiệu quả thị trường cho người nghèo (tài trợ qua ADB): 2 triệu Bảng Anh.

Nguồn vốn ODA của Anh đã tác động tích cực tới công tác xóa đói giảm nghèo và phát triển nông thôn ở nhiều địa bàn khó khăn trên lãnh thổ Việt Nam tuy nhiên Việt Nam có hàng triệu hộ nghèo, hàng trăm huyện nghèo trải dài trên khắp các tỉnh thành trong cả nước, năm 2008 tỷ lệ người nghèo vẫn chiếm 14,8% dân số.

Bốn là, ODA của Anh là nguồn vốn để tiếp nhận và có tỷ lệ giải ngân cao.

Chính phủ Anh chủ trương và thúc đẩy cộng đồng tài trợ quốc tế trong việc đơn giản hóa các thủ tục nhằm giảm bớt các thủ tục hành chính, nhằm đưa nhanh, đưa trực tiếp tài trợ tới người dân, giảm bớt các gánh nặng hành chính cho các cơ quan quản lý của cả hai bên, qua đó tăng cường hiệu

**Bảng 2: ODA của Anh vào Việt Nam và tương quan với các nước Châu Á (Asia)
Giai đoạn 2001 - 2006**

Country/ Programmes	All Asia	Of which Vietnam	Vietnam/Asia %
2001/02	397.4	15.8	4%
2002/03	450.7	18.5	4%
2003/04	538.4	23.2	4%
2004/05	639.2	40.4	6%
2005/06	751.9	55.0	7%
Total 2000-2005	3069.0	152.9	5%

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của DFID Việt Nam

quả của ODA. Tài trợ của Anh thường không thực hiện riêng biệt mà lồng ghép, đồng tài trợ với các nhà tài trợ khác trong các chương trình lớn. Nhờ vậy, việc tổ chức triển khai các dự án ODA của Anh đã không tạo thêm bộ máy quản lý hành chính cho cả hai phía (như trong các chương trình: giao thông nông thôn, cấp nước nông thôn, phát triển nông thôn, giáo dục tiểu học,... được thực hiện trong khuôn khổ các chương trình chung với WB, ADB, WHO, UNICEF). Thực tế, DFID là một trong những nhà tài trợ ủng hộ và thúc đẩy các nhà tài trợ thực hiện Tuyên bố Hà Nội và Kế hoạch Hành động về hài hòa hóa thủ tục trong cung cấp tiếp nhận và sử dụng ODA tại Việt Nam. Chính phủ Anh đang vận động các nước phát triển xóa bỏ các ràng buộc trong viện trợ phát triển, thúc đẩy nâng cao hiệu quả viện trợ, tăng cường vai trò làm chủ của nước tài trợ.

Năm là, hạn chế lớn nhất của ODA của Anh cho Việt Nam đó là lượng vốn còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu về nguồn vốn ODA này đồng thời số các địa phương được thụ hưởng còn ít.

Trong thời gian qua, quan hệ hợp tác song phương giữa Việt Nam và Anh Quốc đã có bước phát triển mới, đặc biệt là trong quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục. Gần đây nhất, nhiều trường đại học của Anh đã đẩy mạnh hợp tác giáo

dục với các trường đại học Việt Nam, ủng hộ tích cực xây dựng và phát triển dự án đại học quốc tế Việt- Anh.

Là một nguồn vốn ODA khá ưu việt và thuận lợi cho nước tiếp nhận, tuy nhiên, khối lượng dòng vốn này vào Việt Nam chỉ khoảng 50 triệu bảng Anh đứng thứ 14 trong các quốc gia tài trợ ODA cho Việt Nam trong khi đó Vương Quốc Anh hàng năm cung cấp khoảng hơn 6000 triệu Bảng Anh cho ODA và đứng thứ 3 trên thế giới. Sự chênh lệch này là một câu hỏi cho việc thực hiện thu hút ODA từ Anh đối với Việt Nam.

ODA của Anh vào Việt Nam không chỉ hạn chế về lượng vốn mà số các địa phương tiếp cận và thụ hưởng lượng vốn này còn khá khiêm tốn. Theo báo cáo của Vụ Kinh tế Đối ngoại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư số địa phương tiếp cận và thụ hưởng nguồn vốn ODA của Anh mới chỉ dừng lại ở các tỉnh miền núi, tây nguyên, trung bộ, tính đến tháng 7/2010, mới chỉ có khoảng 30% tỉnh/thành trong cả nước tiếp cận được nguồn vốn này với mức đầu tư khiêm tốn.

Sáu là, nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trong thu hút ODA của Anh vào Việt Nam đó là thiếu thông tin về ODA của Anh và thiếu định hướng của các cơ quan quản lý nhà nước.

Kết quả nghiên cứu cho thấy thiếu thông tin về ODA

của Anh và thiếu định hướng của các cơ quan quản lý nhà nước là những nguyên nhân chính của hạn chế hiện nay trong thu hút ODA của Anh vào Việt Nam.

Kết quả điều tra của nhóm tác giả tại 15 tỉnh phía Bắc Việt Nam cho thấy chỉ có khoảng 17% cán bộ quản lý liên quan đến ODA biết và có thông tin về ODA của Anh vào Việt Nam. Có tới 41% cán bộ được điều tra không biết hoặc không có thông tin về ODA của Anh vào Việt Nam. Kết quả phỏng vấn sâu một số cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo ở các Sở Kế hoạch Đầu tư ở các tỉnh được điều tra cũng cho thấy nhiều cán bộ không biết cách tiếp cận nguồn vốn ODA của Anh, không hiểu về mục tiêu và các đặc điểm ODA của Anh. Thậm chí có nhiều cán bộ lãnh đạo còn nhầm nguồn vốn ODA của Anh với các nguồn vốn ODA khác.³

4. Một số kiến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu ODA của Vương Quốc Anh giai đoạn 1992-2009, xem xét xu hướng vận động của ODA nói chung và của Vương Quốc Anh giai đoạn 2010-2015, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

Một là, cần có nhận thức đầy đủ hơn về ODA của Anh và tranh thủ khai thác ODA của Anh vào thực hiện các mục tiêu xóa đói giảm nghèo, giáo dục và đào tạo, y tế.

Trước hết cần có nhận thức đúng về ODA, ODA của Anh, nhất là những đặc điểm và những định hướng ưu tiên, hình thức tài trợ ODA của Anh. Thu hút ODA của Anh tập trung vào việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục và đào tạo.

Nguồn vốn ODA của Anh có đặc thù là lấy mục tiêu giảm nghèo làm trọng tâm và tài trợ trực tiếp cho các chương trình mục tiêu của Chính phủ Việt Nam. Cần thu hút nguồn vốn của Anh vào các địa chỉ cụ thể hơn của hoạt động xóa đói giảm nghèo, mở rộng tới các địa phương, lĩnh vực mà ODA của Anh trong những năm qua chưa hướng tới.

Hai là, xây dựng kế hoạch thu hút ODA của Anh trong dài hạn và trung hạn, có những định hướng cho các bộ/ngành, địa phương và các tổ chức trong xây dựng các kế hoạch và dự án thu hút ODA Anh.

Việc xây dựng kế hoạch tài trợ của DFID theo chính sách hợp tác quốc tế giai đoạn 3 năm, trong đó cụ thể hóa số lượng ODA tài trợ trong 3 năm tiếp theo, cơ cấu phân bổ ODA tới các quốc gia, danh mục các quốc gia được nhận ODA, các hình thức viện trợ đối với quốc gia đó,... Do đó để thu hút ODA của Anh, chúng ta cần xây dựng kế hoạch tài trợ dài hạn, trung hạn.

Các cơ quan quản lý ODA như Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần có những định hướng, hướng dẫn cụ thể cho các bộ/ngành, địa phương, các tổ chức xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án xin tài trợ.

Hình thức "Sổ tay" là hình thức có hiệu quả, nên được thực hiện. Các cơ quan quản lý ODA của Anh nên đầu tư xây dựng "Sổ tay vận động, xây dựng và quản lý dự án ODA của Anh vào Việt Nam".

Ba là, kết hợp sử dụng vốn ODA của Anh với các nguồn ODA khác theo hình thức đồng tài trợ.

Trong thời gian qua và những năm tiếp theo, hình

thức đồng tài trợ với các nhà tài trợ ODA khác vẫn là hình thức ưu tiên của DFID. Do vậy, chúng ta cần khai thác định hướng ưu tiên cung cấp ODA theo hình thức đồng tài trợ của Anh, tích cực thu hút các chương trình tài trợ của các tổ chức quốc tế, thông qua đó thu hút ODA từ Anh.

Mặt khác, các chương trình của châu Âu (EU) và Ngân hàng Thế giới (World Bank) chiếm 80% lượng ODA đồng tài trợ của Anh nên các chương trình từ hai tổ chức này có khả năng thu hút cao đối với nguồn vốn ODA từ Anh và cần được tận dụng.

Bốn là, tăng cường quảng bá hình ảnh của Việt Nam sang Anh quốc và hợp tác chặt chẽ hơn về các lĩnh vực giáo dục, y tế.

Quá trình toàn cầu hóa trên diện rộng tạo ra sự bình đẳng giữa các quốc gia đang phát triển trước nguồn ODA. Hiện nay thế giới có khoảng hơn 100 quốc gia đang phát triển cạnh tranh để thu hút ODA, do đó đã làm cho nguồn vốn ODA có tính cạnh tranh ngày càng cao. Chính phủ các nước tài trợ trước sự lựa chọn trong việc tìm kiếm địa chỉ tài trợ phù hợp.

Để tăng hiệu quả thu hút đối với nguồn vốn ODA của Anh bắt buộc phải tăng cường việc quảng bá hình ảnh của Việt Nam tại nước Anh thông qua việc giới thiệu đất nước, con người Việt Nam và đặc biệt là hợp tác tích cực trong các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, giáo dục và y tế là các lĩnh vực Chính phủ Anh và Việt Nam đều rất quan tâm.

Thay cho lời kết:

Đóng góp một phần không nhỏ trong số ODA của các tổ chức song phương và đa phương vào Việt Nam là nguồn viện trợ phát triển chính thức của Anh mà chủ yếu là nguồn viện trợ không hoàn lại với các chương trình, dự án phục vụ cho phát triển bền vững. Quá trình tiếp nhận và sử dụng ODA của Anh ở Việt Nam đã trải qua một thời gian dài gần 20 năm và đã có được

những thành quả nhất định. Tuy nhiên, việc thu hút và sử dụng ODA ở Việt Nam vẫn còn ở mức khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và sự phát triển quan hệ hợp tác giữa hai nước. Để tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA này, chúng ta cần có nhận thức được vai trò của nguồn vốn này, hiểu được những định hướng ưu tiên và cơ chế quản lý của nhà tài trợ, xây dựng các dự án có tính khả thi cao phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong đó tập trung cho các lĩnh vực y tế, giáo dục, phát triển nông thôn, thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo. □

1. Nguồn số liệu www.dfid.gov.uk

2. Nguồn thông tin được lấy từ báo cáo thường niên của Vụ Kinh tế Đối ngoại Bộ Kế hoạch Đầu tư.

3. Điều tra do tác giả thực hiện tháng 10/2009 tại các tỉnh: Bắc Ninh, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Bắc Giang, Thái Bình, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Lạng Sơn, Lai Châu, Điện Biên. Đối tượng điều tra là cán bộ quản lý, lãnh đạo ở các sở, ban, ngành liên quan đến ODA. Tổng số đối tượng điều tra là 240 người.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Kế hoạch Đầu tư, Quy hoạch ODA giai đoạn 2006 – 2010.

2. Bộ Kế hoạch Đầu tư, Báo cáo tình hình sử dụng ODA Anh các năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009.

3. Thời báo Kinh tế Việt Nam, Kinh tế 2008-2009 Việt Nam và thế giới.

4. Vụ Kinh tế đối ngoại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bản tin ODA các số năm 2009, 2008.

5. Báo cáo đánh giá chương trình quốc gia Việt Nam đến năm 2008, DFID Việt Nam.

6. Viet Nam final country report, 18 January 2006, DFID Viet Nam.

7. Country programme review: Viet Nam, Jeremy Clarke, May 2007, DFID Viet Nam.

8. Department For International Development, Resource Accounts 2009 – 10, DFID.